TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 151/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-3-2025
V/v "*Tranh chấp hôn nH và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nH dân:
Ông Hà Bửu Khánh
Ông Huỳnh Hoàng Nam

- ***Thư ký phiên Tòa***: bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nH dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thúy An – kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nH dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nH và gia đình thụ lý số: 687/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc :'' Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung'' theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 63/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa :

-*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1996; địa chỉ: ấp 4, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

-*Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1995; địa chỉ: ấp K, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2024và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày: Chị và anh T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, cờ

bạc nợ nhiều người, chị đã nhiều lần khuyên ngăn, tạo cho anh T cơ hội để sửa đổi bản thân nhưng vẫn không có kết quả. Vì vậy, chị và anh T đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, chị và anh T tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung, chị H xác định chị và anh T có một con chung tên Lê Nguyễn Hiếu P, sinh ngày 23/10/2018, hiện con đang sống với chị H, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng tại phiên Tòa, chị H xác định chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Lê Văn T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và vắng mặt tham gia tố tụng.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Ngọc H và anh Lê Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn với anh T với lý do giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể nào hàn gắn chung sống hạnh phúc. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị H và ah T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: chị H xác định chị và anh T có một con chung tên Lê Nguyễn Hiếu P, sinh ngày 23/10/2018. Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, rút lại yêu cầu buộc anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân nhau cháu P sống với chị H, chị H chăm sóc tốt, cháu P phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H rút lại yêu cầu này. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị H.

Về án phí: buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với anh Lê Văn T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn T với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên

Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Anh Lê Văn T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét và quyết định hoãn phiên Tòa cho anh T nhưng không thực hiện được do anh T không có mặt tại nhà nhưng ông Lê Văn Quí (cha ruột anh T) nhận thay và chịu trách nhiệm thông báo và giao lại cho anh T. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn T.

[2]. Về nội dung vụ án :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Lê Văn T tự tìm hiểu trước, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Giồng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2017 nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T cờ bạc gây nợ làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị H xác định cũng đã lựa lời khuyên ngăn anh T và cho anh T cơ hội để sửa đổi bản thân nhưng anh T vẫn không thay đổi, chị và anh T đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân của chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, giữa anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử xử chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Trần Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị H xác định chị và anh T có một con chung tên Lê Nguyễn Hiếu P, sinh ngày 23/10/2018. Hiện các con đang sống với chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Theo lời trình bày của chị H thì từ khi anh chị sống ly thân cho tới nay cháu P vẫn sống chung với chị, chị H vẫn chăm sóc cháu tốt và hiện tại cháu P vẫn phát triển bình thường. Bản thân anh T cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối gì về con cũng như các yêu cầu của chị H. Mặc khác, từ khi cháu Phong sống với chị H, chị H chăm sóc tốt, cháu P phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần. Áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xử giao cháu Phong cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H rút lại yêu cầu này. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị H.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: chị H, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Ngọc H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009085 ngày 26/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị H đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hiếu P, sinh ngày 23/10/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H rút lại yêu cầu này.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Ngọc H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009085 ngày 26/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị H đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị H được tính kể từ tuyên án (17- 3- 2025); anh T được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục thi hành án*
- *Đương sự*
- *UBND xã*
- *Lưu HS, VP*

Nguyễn Thị Cẩm Hương